TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 233/2022/DS-PT
Ngày 26 – 8 – 2022
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán: Bà Đinh Cẩm Đào

Ông Huỳnh Văn Út

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Lâm Ngọc Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà:* Bà Phạm Thị Hồng Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 178/2022/TLPT-DS ngày 28 tháng 7 năm 2022 về việc: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 89/2022/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 155/2022/QĐ-PT ngày 08 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Ông Đỗ Thanh N, sinh năm 1970 (Có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Kim M, sinh năm 1973 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm 4, thị t, huyện Đ, tỉnh C ..

- *Bị đơn:* Bà Lâm Kim D1, sinh năm 1957 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 55/10, Võ Văn Kiệt, phường Bình Thủy, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Lâm Kim D1: Ông Nguyễn Trường G, sinh năm 1970; địa chỉ: Khóm 4, thị t, huyện Đ, tỉnh C . (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1955 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 55/10, Võ Văn Kiệt, phường Bình Thủy, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ (Có mặt).

2. Ông Nguyễn Trường G, sinh năm 1970 (Có mặt).

Địa chỉ: Khóm 4, thị t, huyện Đ, tỉnh C ..

3. Bà Trương Thị T, sinh năm 1972 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 5, thị t, huyện Đ, tỉnh C ..

4. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh tỉnh Cà Mau - Phòng giao dịch huyện Đầm Dơi; địa chỉ: Khóm 5, thị t, huyện Đ, tỉnh C . (Vắng mặt).

5. Ông Nguyễn Kim L1 (Vắng mặt).

6. Bà Võ Thị C (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm 4, thị t, huyện Đ, tỉnh C ..

- *Người kháng cáo*: Ông Đỗ Thanh N và bà Nguyễn Thị Kim M, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo bà Nguyễn Thị Kim M trình bày:*

Năm 1996, ông Nguyễn Kim L1 (anh ruột bà M) có nhận chuyển nhượng phần đất của ông Nhạc, sau đó ông L1 có cất 01 căn nhà trên phần đất. Đến năm 2015, ông L1 chuyển nhượng toàn bộ phần nhà và đất lại cho vợ chồng bà, khi chuyển nhượng hai bên có làm giấy tay hợp đồng, phần đất này từ trước đến nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ khi ông L1 quản lý sử dụng đến khi chuyển nhượng cho bà, thì phần đất không có thay đổi về hiện trạng so với khi nhận chuyển nhượng của ông Nhạc. Phần đất có tứ cận: Mặt tiền giáp lộ Dương Thị Cẩm Vân, ngang 4,5m; mặt hậu giáp lộ đal Bến tàu, ngang 4,9m; bên phải giáp phần đất bà Lê Kim Định, dài 14m; bên trái giáp phần đất khác của bà, dài 14m.

Khi bà D1 đo đạc đất để làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì đo lấn qua phần đất mặt hậu của bà ngang 0,4m, dài 14m. Thời điểm bà D1 đo đất, vợ chồng bà bận công việc mua bán nên không có tham gia để xác định ranh đất, sau đó bà D1 có nhờ chồng bà ký giáp ranh, do chồng bà mua bán bận rộn không có xem kĩ nên chồng bà đã ký giáp ranh cho bà D1. Khi bà mời địa chính đến đo phần đất của vợ chồng bà thì mới biết bà D1 đã lấn qua phần đất của vợ chồng bà mặt hậu ngang 0,4m, dài 14m, vợ chồng bà có yêu cầu bà D1 trả lại phần đất đã lấn chiếm nhưng bà D1 không đồng ý trả, vì bà D1 cho rằng bà D1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sự việc đã được Ủy ban nhân dân thị trấn Đầm Dơi giải quyết nhưng không thành.

Nay bà M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà D1 trả lại cho vợ chồng bà phần đất ngang 0,4m mặt hậu, dài 14m, tổng diện tích 2,8m^2. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà M yêu cầu bà D1 trả lại phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đầm Dơi, diện tích 3,1m^2.

- *Theo ông Đỗ Thanh N trình bày*: Ông N thống nhất với lời trình bày của bà M.

- Tại cấp sơ thẩm, ông Nguyễn Thanh P là người đại diện của bà Lâm Kim D1 trình bày:

Nguồn gốc đất là do vợ chồng ông nhận chuyển nhượng của ông Trương Văn Mạnh vào năm 2019, ngang 4,5m, dài 12,0m, giá 950.000.000 đồng. Khi giao nhận đất không có đo đạc, do đất đã có ranh giới là căn nhà cất trên đất, thời điểm này cũng đã có căn nhà của ông N, bà M như hiện trạng hiện nay. Sau đó, vợ chồng ông làm thủ tục xin cấp quyền sử dụng đất, khi làm thủ tục có đo đạc thực tế và có mời các hộ giáp ranh để xác định ranh giới, trong đó có ông N thống nhất xác định ranh và ký tên, đã được Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ngày 17/02/2020 đất đứng tên bà Lâm Kim D1 theo đúng diện tích đo đạc thực tế. Do đó, ông không đồng ý trả lại phần đất tranh chấp theo yêu cầu của ông N, bà M.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà Lâm Kim D1 đứng tên hiện nay đang thế chấp tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh tỉnh Cà Mau - Phòng giao dịch huyện Đầm Dơi để vay số tiền 2.100.000.000 đồng.

- Theo ông Nguyễn Trường G trình bày:

Ông G thống nhất với trình bày của ông P.

- Theo ông Nguyễn Kim L1 trình bày:

Ông L1 là anh ruột của bà M, trước đây ông có sử dụng phần đất trên 20 năm; đến năm 2016 vợ chồng ông chuyển nhượng lại cho vợ chồng bà M và ông N, chuyển nhượng bằng giấy tay do đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giá chuyển nhượng 1,6 tỷ đồng, diện tích chuyển nhượng không nhớ rõ. Khi chuyển nhượng do có nhà trên đất nên không đo đạc, không mời các hộ giáp ranh để xác định ranh đất, nhưng ông có nói với bà M phần đất hiện nay tranh chấp là của ông. Lý do có phần đất khoảng trống là trước đây nhà vách lá, sau đó xây tường thì xây theo vách lá cũ và chuyển nhượng cho bà M nên phần đất này không có sử dụng.

Khi bà D1 làm thủ tục xin giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do ông đã chuyển nhượng đất nên không tham gia xác định ranh đất. Thời điểm trước khi ông chuyển nhượng cho bà M và ông N thì ông Mạnh sử dụng đất, ông Mạnh cũng biết phần đất này là của ông. Ông L1 xác định phần đất tranh chấp là của vợ chồng ông chuyển nhượng cho bà M và ông N, còn việc ông N xác định ranh như thế nào ông không biết rõ.

- Theo bà Võ Thị C trình bày:

Bà C thống nhất với lời trình bày của ông L1.

- Theo Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh tỉnh Cà Mau – Phòng Giao dịch huyện Đầm Dơi trình bày:

Phần đất tranh chấp của bà Lâm Kim D1 ảnh hưởng không đáng kể đến giá trị tài sản thế chấp, nên Ngân hàng không có yêu cầu gì trong vụ án này. Trường hợp có phát sinh tranh chấp Ngân hàng sẽ yêu cầu sau và đề nghị xét xử vắng mặt đến khi vụ án kết thúc.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 89/2022/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim M và ông Đỗ Thanh N về việc yêu cầu bà Lâm Kim D1 trả lại phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế 3,1m^2 tọa lạc khóm 4, thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau (các điểm M7M8M11M12), phần đất có tứ cận như sau: Hướng Đông giáp cống thoát nước, cạnh M7M8 dài 0,4m; Hướng Tây giáp phần đất còn lại của bà Lâm Kim D1, cạnh M11M12 dài 0,18m; Hướng Bắc giáp phần đất còn lại của bà Nguyễn Thị Kim M, cạnh M11M7 dài 10,69m; Hướng Nam giáp phần đất còn lại của bà Lâm Kim D1, cạnh M8M12 dài 10,72m.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28/6/2022, ông Đỗ Thanh N và bà Nguyễn Thị Kim M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Lâm Kim D1 đứng tên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đỗ Thanh N và bà Nguyễn Thị Kim M yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, buộc bà D1 trả cho ông N và bà M diện tích đất tranh chấp 3,1m^2 và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà D1 đứng tên.

Phần tranh luận tại phiên toà:

Ông N phát biểu: Yêu cầu bà D1 trả lại diện tích đất 3,1m^2.

Bà M không có ý kiến tranh luận.

Ông G không có ý kiến tranh luận.

Ông P yêu cầu giữ nguyên diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà D1 đứng tên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Thanh N và bà Nguyễn Thị Kim M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đỗ Thanh N và bà Nguyễn Thị Kim M có thay đổi yêu cầu kháng cáo: Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, buộc bà D1 trả cho ông N và bà M diện tích đất tranh chấp 3,1m^2 và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà D1 đứng tên. Xét việc thay đổi yêu cầu kháng cáo của ông N và bà M không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu theo quy định tại khoản 2 Điều 284 cuả Bộ luật tố tụng, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét kháng cáo của ông Đỗ Thanh N và bà Nguyễn Thị Kim M, Hội đồng xét xử xét thấy:

Các đương sự thống nhất phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế có diện tích 3,1m^2 tại điểm M7M8M11M12 theo mãnh đo đạc chỉnh lý thửa đất ngày 19/5/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đầm Dơi, phần đất tọa lạc khóm 4, thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau, có tứ cận như sau: Hướng Đông giáp cống thoát nước, hướng Tây giáp phần đất còn lại của bà Lâm Kim D1, hướng Bắc giáp phần đất còn lại của bà Nguyễn Thị Kim M, hướng Nam giáp phần đất còn lại của bà Lâm Kim D1. Vị trí phần đất tranh chấp nằm giữa phần đất của bà D1 đang sử dụng với phần đất của ông N và Mai đang sử dụng.

Xét về nguồn gốc đất của các bên đang sử dụng:

Phần đất ông N và bà M sử dụng có nguồn gốc trước đó là của ông Nguyễn Kim L1 và bà Võ Thị C nhận chuyển nhượng của ông Nhạc vào năm 1996; đến năm 2015, ông L1 và bà C chuyển nhượng lại cho ông N và bà M, đến nay ông N và bà M chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Phần đất bà D1 sử dụng có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông Trương Văn Mạnh vào năm 2018. Bà D1 đã được Uỷ ban nhân dân huyện Đầm Dơi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/02/2020, thửa số 117, tờ bản đồ số 30, diện tích 52,2m2.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà phúc thẩm, ông N và bà M cũng xác định khi nhận chuyển nhượng đất của ông L1 và bà C không có đo đạc thực tế, do khi chuyển nhượng đã có căn nhà của ông L1 và bà C trên đất, khi bàn giao nhà đất cũng không có các bên giáp ranh chứng kiến để xác định ranh giới đất. Phía ông G cũng xác định phần đất khi nhận chuyển nhượng đất của ông cũng không có đo đạc thực tế, khi bàn giao đất cũng không có các hộ giáp ranh chứng kiến do khi chuyển nhượng đã có cất nhà. Như vậy, các đương sự đều xác định khi nhận chuyển nhượng đất từ ông L1 và ông Mạnh đều không có đo đạc thực tế mà nhận chuyển nhượng trên cơ sở có căn nhà hiện hữu trên đất, phần đất tranh chấp nằm giữa bức tường nhà của hai bên nên hai bên không sử dụng phần đất này.

Theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông L1 và bà C với ông N và bà M (giấy tay, không có ngày tháng năm) có nội dung ông L1 và bà C bán cho ông N và bà M một miếng đất cùng căn nhà giá 1.600.000.000 đồng … Hợp đồng chuyển nhượng không thể hiện phần đất chuyển nhượng hay căn nhà có kích thước ngang, dài, diện tích cụ thể là bao nhiêu; do đó, không có cơ sở xác định được phần đất mà ông N và bà M thực tế đang sử dụng so với kích thước, diện tích khi nhận chuyển nhượng là thừa hay thiếu.

Theo hợp đồng chuyển nhượng giữa ông Trương Văn Mạnh và bà Lê Hồng Loan với ông Nguyễn Thanh P và bà Lâm Kim D1 ngày 02/11/2018 thể hiện phần đất chuyển nhượng có kích thước ngang 4,5m, dài 15m, diện tích

67,5m2. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà D1 đứng tên thì phần đất có kích thước chiều ngang: phía giáp đường Dương Thị Cẩm Vân là 4,40m; phía giáp đường bê tông là 4,20m; diện tích là 52,2m^2. Các bên đương sự đều thừa nhận, khi Nhà nước mở rộng đường Dương Thị Cẩm Vân, thì phần đất các đương sự chỉ bị ảnh hưởng về kích thước chiều dài, chứ không bị ảnh hưởng đối với kích thước chiều ngang. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà D1 đứng tên thì kích thước chiều ngang phần đất vẫn nhỏ hơn kích thước ghi trong giấy chuyển nhượng của ông Mạnh.

Năm 2018, khi bà D1 lập thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Chi nhánh Văn phòng đất đai huyện Đầm Dơi đã tiến hành đo đạc kích thước, diện tích phần đất của bà D1, ông N là người sử dụng đất liền kề cũng có mặt thống nhất xác định vị trí, ranh giới đất và ký tên vào bản mô tả ranh giới, mốc gới thửa đất. Ủy ban nhân dân thị trấn Đầm Dơi cũng thực hiện thủ tục lấy ý kiến của khu dân cư và niêm yết danh sách công khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Đối với trình bày của ông N và bà M cho rằng khi đo đạc, ông N có đến phần đất nhưng do công việc làm ăn nên không xác định kỹ ranh đất và ông N cũng không biết rõ ranh đất như thế nào nên việc ký giáp ranh của ông N không đúng là không có cơ sở thuyết phục.

Theo mãnh đo đạc chỉnh lý thửa đất ngày 19/5/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đầm Dơi thể hiện phần đất tranh chấp theo đo đạc 3,1m^2 là một phần của thửa 117, tờ bản đồ số 30, nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Lâm Kim D1 đứng tên; Phần đất ông N và bà M đang sử dụng là đất chưa phân phối, ông N và bà M cũng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. s

Theo bà M và ông N xác định phần đất tranh chấp là của ông bà, vì khi nhận chuyển nhượng từ ông L1, ông L1 có nói phần đất mà hiện nay tranh chấp là của ông L1, do trước đây cất nhà lá nên chừa mái lá, khi cất nhà kiên cố thì xây vách tường theo vách lá cũ nên có khoảng trống này. Mặc dù lời trình bày của bà M, ông N, ông L1, bà C có nội dung phù hợp nhau; tuy nhiên, việc xác định của ông L1 khi đó chỉ có ông L1, bà C, ông N, bà M mà không có sự thống nhất của người đang sử dụng đất giáp ranh là ông Mạnh, nên không thể cho rằng việc xác định của ông L1 là căn cứ. Quá trình giải quyết vụ án, ông N và bà M cũng xác định phần đất trống nằm giữa vách nhà của bà D1 với vách nhà của ông bà, từ trước đến nay ông bà cũng không có sử dụng phần đất này. Theo biên bản thẩm định thì trên phần đất tranh chấp ông G có đặt đường ống thoát nước, nhưng từ khi ông G đặt đường ống thoát nước đến thời điểm trước khi xảy ra tranh chấp thì ông N và bà M cũng không có ý kiến gì.

Từ những nhận định trên, xét thấy không có cơ sở để xác định phần đất tranh chấp là của ông N và bà M do bà D1 lấn chiếm, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N và bà M đòi bà D1 trả lại đất là có căn cứ. Do đó, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông N và bà M, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

Án phí dân sự phúc thẩm ông N và bà M phải chịu theo quy định.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Thanh N và bà Nguyễn Thị Kim M. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 89/2022/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim M và ông Đỗ Thanh N về việc yêu cầu bà Lâm Kim D1 trả lại phần đất diện tích theo đo đạc thực tế 3,1m^2 tọa lạc khóm 4, thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau. Phần đất có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp cống thoát nước, cạnh M7M8 dài 0,4m.

- Hướng Tây giáp phần đất còn lại của bà Lâm Kim D1, cạnh M11M12 dài 0,18m.

- Hướng Bắc giáp phần đất còn lại của bà Nguyễn Thị Kim M, cạnh M11M7 dài 10,69m.

- Hướng Nam giáp phần đất còn lại của bà Lâm Kim D1, cạnh M8M12 dài 10,72m.

(Kèm theo mãnh đo đạc chỉnh lý thửa đất ngày 19/5/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đầm Dơi).

- Về chi phí tố tụng:

Bà M và ông N phải chịu 17.620.000 đồng (đã nộp xong).

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà M và ông N phải chịu 1.550.000 đồng. Bà M và ông N đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011629 ngày 14/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, đối trừ bà M và ông N còn phải nộp tiếp 1.250.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà M và ông N mỗi người phải chịu 300.000 đồng. Ngày 28/6/2022, bà M và Ngân mỗi người đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0012656 và 0012658 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, được đối trừ chuyển thu án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Lập